

Số: 1043/2019/QĐST- HNGĐ

A, ngày 31 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1026/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Phạm Thị Tuyết M sinh năm 1993

Địa chỉ: 24B Tự Do, phường Tân Thành, quận A, Tp.H.

Ông Huỳnh Bảo Minh Q, sinh năm 1989

Địa chỉ: X7 Ba Vì, phường 15, Quận 10, Tp.H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà M và ông Q tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Tân Thành, quận A, Tp.H. cấp giấy chứng nhận kết hôn số 63/2014, quyền số 01/2014 ngày 18/4/2014. Sau khi kết hôn cuộc sống chung bình thường hạnh phúc, vợ chồng chung sống tới cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp nên thường xuyên tranh cãi. Hiện nay mâu thuẫn không thể hàn gắn nên hai bên yêu cầu thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Hai bên khai có 01 con chung là Huỳnh Bảo Minh Ph, sinh ngày 05/11/2014. Khi ly hôn hai bên thỏa thuận bà M trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông Q cấp dưỡng nuôi con 3.500.000 đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng cho đến khi con chung trưởng thành.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Hai bên khai không có,

[4] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông Q Quân thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân của bà M và ông Q chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 63/2014, quyển số 01/2014 ngày 18/4/2014 do UBND phường Tân Thành, quận A, Tp.H. cấp cho bà M và ông Q không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Huỳnh Bảo Minh P, sinh ngày 05/11/2014 cho M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Q cấp dưỡng nuôi con 3.500.000 đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng, việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 05 (năm), bắt đầu thi hành từ tháng 11/2019 cho đến khi con chung trưởng thành.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà M, nếu ông Q không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cấp dưỡng thì ông Quân còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

+ Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi

+ Ông Q được quyền thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Hai bên khai không có.

3. Về lệ phí hôn nhân gia đình: là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng). Bà M và ông Q mỗi người chịu 150.000 đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí do bà M và ông Q đã nộp theo biên lai số 0012887 ngày 07/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận A. Bà M và ông Q đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND Q. A;
- UBND;
- Lưu; Hồ sơ việc dân sự (H)

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh H